

Bản tin chứng khoán

Trong số này

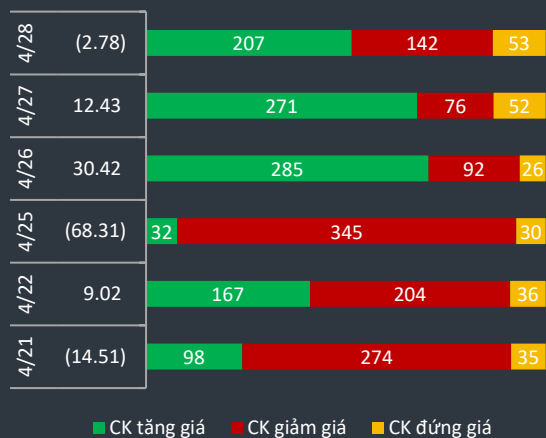
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

HPG		121.0
NLG		72.6
HDB		32.9
VCB		22.2
HDG		19.1
VRE		17.7
DPM		15.8
VHC		13.8
GMD		12.0
MSN		11.7
HCM		10.5
GEX	(16.5)	
BCM	(17.0)	
DXG	(18.7)	
HBC	(18.8)	
VND	(21.0)	
DIG	(31.6)	
DGC	(62.2)	
VHM	(215.7)	

REE: CTCP Cơ điện lạnh công bố kết quả kinh doanh quý I/2022 với doanh thu hợp nhất đạt 2.045 tỷ đồng, tăng 72,9% so với cùng kỳ, và đạt 22% kế hoạch doanh thu năm. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 955 tỷ, gấp đôi cùng kỳ năm ngoái.

Đóng góp lớn nhất vào cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của REE đến từ mảng năng lượng. Doanh thu của mảng năng lượng đạt 1.439 tỷ đồng, tăng 287% so với cùng kỳ nhờ tình hình thủy văn tiếp tục thuận lợi. Đóng góp lớn nhất vào lợi nhuận mảng năng lượng là thủy điện với lợi nhuận ghi nhận 343 tỷ đồng, tăng 183% so với cùng kỳ.

Về mảng dịch vụ cơ điện lạnh và thương mại, tổng giá trị hợp đồng M&E đã ký đến cuối quý I đạt 4.732 tỷ đồng, tăng 84,6% so với cùng kỳ. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của REE M&E lần lượt giảm 54,5% và 60,6% so với cùng kỳ là do các dự án đang ở giai đoạn triển khai thi công dẫn đến doanh thu và lợi nhuận chưa được ghi nhận nhiều bởi các dự án chưa được nghiệm thu hoàn thành. Vốn chủ sở hữu của REE tại ngày 31/3 là 16.946 tỷ với gần 9.345 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

ACB: ghi nhận thu nhập lãi thuần 5.441 tỷ đồng, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 739 tỷ đồng, tăng 18,2%. Lãi thuần hoạt động ngoại hối tăng 54,7% lên 303 tỷ đồng.

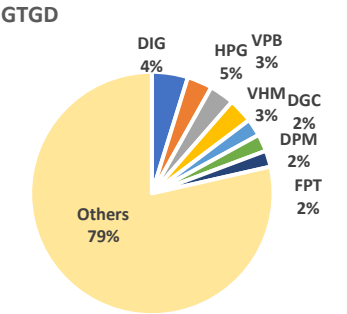
Ở chiều ngược lại, lãi thuần từ chứng khoán đầu tư giảm gần 87% xuống 6,5 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 6.850 tỷ đồng, tăng gần 21%. Ngân hàng được hoàn nhập 2,84 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước trích lập 606 tỷ đồng. Kết thúc quý I, lãi trước thuế đạt hơn 4.114 tỷ đồng, tăng 33%, tương đương 27% kế hoạch năm.

ACB ghi nhận 3.119 tỷ đồng nợ xấu nội bảng, tăng 11,4% so với cuối năm 2021. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ nâng từ 0,77% vào cuối năm trước lên 0,82%. Trong quý I, nợ có khả năng mất vốn tại ACB tăng hơn 40% lên gần 1.934 tỷ đồng, chiếm 62% tổng nợ xấu. Nợ nghi ngờ tăng 3,4% trong khi nợ dưới tiêu chuẩn giảm gần một nửa xuống còn hơn 273 tỷ đồng.

Vnindex 1350.99
▼ -2.78 (-0.21%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
REE	79.1	5.1	6.89
BCM	83.0	4.8	6.14
FPT	105.5	2.5	2.43
TCB	42.3	0.7	1.68
VPB	36.5	0.6	1.53
HPG	43.1	0.6	1.41
HDB	25.2	0.2	0.80
DHG	99.9	0.6	0.60
NVL	81.7	0.4	0.49
ACB	31.0	0.1	0.32
VCB	81.5	-	-
VJC	129.0	-	-
PDR	62.0	-	-
VIC	77.9	(0.1)	(0.13)
CTG	28.2	(0.1)	(0.35)
HVN	21.7	(0.2)	(0.69)
PNJ	106.2	(0.8)	(0.75)
VHM	64.5	(0.5)	(0.77)
MBB	29.5	(0.3)	(0.84)
VNM	74.3	(0.7)	(0.93)
VIB	41.4	(0.4)	(0.96)
PLX	47.8	(0.5)	(1.04)
POW	12.8	(0.2)	(1.16)
GVR	28.8	(0.4)	(1.20)
BID	36.7	(0.5)	(1.34)
MWG	145.0	(2.2)	(1.49)
STB	27.7	(0.5)	(1.77)
MSN	116.5	(2.5)	(2.10)
VRE	29.9	(0.7)	(2.13)
SAB	165.0	(4.0)	(2.37)
BVH	60.0	(1.5)	(2.44)
SSI	33.5	(0.9)	(2.62)
GAS	107.7	(3.3)	(2.97)
TPB	33.6	(1.2)	(3.45)



Phiên hôm nay là ngày lượng cổ phiếu giảm sàn phiên thứ 2 về tài khoản. Một số cổ phiếu tính đến hôm nay đã có lời từ 5% - 15%. Thật bất ngờ là nhóm cổ phiếu đầu cơ như FLC, ROS, QGC, ITA, HQC, DLG .. là những cổ phiếu có lời nhiều nhất kể từ vùng đáy. Chỉ số Vnindex hôm nay dao động liên tục nhưng trong một biên độ hẹp +-5 điểm. Không có đợt bán giải chấp nào vào phiên chiều, nhưng cũng không có nhịp đánh lên như hai ngày trước.

Ngày mai sẽ là phiên khá quan trọng khi những cổ phiếu phiên thứ 3 sẽ về tài khoản và hầu hết là có lãi nhẹ. Áp lực chốt lời có thể làm thị trường rung lắc nhưng khả năng lực cầu vẫn sẽ hấp thụ mạnh. Kết quả kinh doanh Q1 năm nay khá khả quan khi lợi nhuận doanh nghiệp nhìn chung tăng trưởng lợi nhuận hơn 50%. Ngay cả nhóm ngân hàng cũng có mức tăng trưởng gần 50%.

Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và có thể gia tăng tích lũy trong các nhịp điều chỉnh. Thị trường kỳ vọng duy trì mức hồi phục tích cực sau kỳ nghỉ lễ. Các nhóm cổ phiếu tăng trưởng Q1 vẫn ưu tiên nắm giữ ở các nhóm ngành thủy sản, phân bón, logistics, chứng khoán, ngân hàng, bán lẻ.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
DGW	135.0	(11.5)	120	160	Mua mới quanh 120-125	4/26/2022	8.0%
VCB	81.5	4.0	75	95	Mua quanh 75-78	4/21/2022	4.0%
MSN	116.5	(5.3)	117	145	Mua thêm quanh 100-110	4/21/2022	-5.3%
SSI	33.5	(7.1)	30	55	Mua quanh 34-35	4/21/2022	-6.9%
VCI	40.0	(11.1)	38	60	Chờ mua quanh 38-40	4/20/2022	-8.0%
VND	30.4	(6.0)	25	40	Chờ mua quanh 27-30	4/20/2022	0.3%
HDB	25.2	1.2	27	37	Chờ mua thêm quanh 20-23	3/31/2022	-11.6%
VPB	36.5	2.8	35	45	Chờ mua thêm quanh 30-32	2/25/2022	0.0%
TCM	69.7	(5.8)	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	4.0%
HPG	43.1	(0.6)	40	60	Nắm giữ	2/8/2022	-4.2%
FTS	47.9	(7.4)	50	60	Mua thêm quanh 42-45	4/25/2022	-0.2%
TNG	32.5	(15.8)	24	45	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 45	2/7/2022	12.1%
GVR	28.8	(5.7)	28	40	Mua thêm quanh 27. Mục tiêu 38	4/26/2022	-4.2%
REE	79.1	(2.1)	60	90	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	21.7%
NLG	50.0	-	53	65	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	-5.7%
OCB	23.0	(2.1)	24	35	Mua thêm quanh 22-24	4/25/2022	-2.1%
STK	58.5	(4.9)	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	10.4%
VIB	41.4	(1.4)	40	60	Mua thêm quanh giá 40-41	4/28/2022	-3.7%
MBB	29.5	(1.8)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 37	1/4/2022	1.6%
MWG	145.0	(6.8)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	7.4%
DPM	73.0	(7.3)	35	77	Chốt lời	2/7/2022	73.8%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Khoáng sản	2.87
Phân bón	2.52
Bất động sản KCN	2.42
Thủy sản	2.39
Dệt May	2.09
Sản xuất và KD Thép	1.90
Hóa chất	1.85
Hàng cá nhân & Gia...	1.78
Du lịch và Giải trí	1.77
Xây dựng	1.56
Tài nguyên Cơ bản	1.56
Hàng & Dịch vụ...	1.53
Viễn thông	1.33
Vận tải - Logistics	1.30
Truyền thông	1.22
Bán lẻ	1.22
Nước	1.21
Điện	1.05
Bất động sản	1.04
Y tế	0.76
Dịch vụ tài chính	0.75
Vật liệu xây dựng	0.67
Dầu khí	0.61
Công nghệ Thông tin	0.54
Ngân hàng	0.53
Ô tô và phụ tùng	0.32
Bảo hiểm	0.01
Thực phẩm và đồ... (0.14)	
Cao su (0.38)	
Bao bì (0.81)	

HSG - CTCP Tập đoàn Hoa Sen – Đã thông qua việc phát hành hơn 4,93 triệu cổ phiếu ESOP, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến bắt đầu từ tháng 5/2022.

VOS - CTCP Vận tải biển Việt Nam - VOSCO - Quý I/2022, VOS ghi nhận doanh thu đạt 402,19 tỷ đồng, tăng 57,9% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế đạt 55,75 tỷ đồng so với cùng kỳ lỗ 19 tỷ đồng.

HT1 - CTCP Xi măng Hà Tiên 1 - Đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và thông qua kế hoạch doanh thu 7.800 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 401 tỷ đồng.

HAG - CTCP Hoàng Anh Gia Lai - Quý 1/2022 doanh thu thuần đạt 803 tỷ đồng, cao gấp 3 lần so với cùng kỳ năm trước là 266 tỷ đồng. Sau khi trừ giá vốn và chi phí, HAG báo lãi sau thuế quý 1/2022 đạt 258 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước báo 69 tỷ đồng. Lãi sau thuế công ty mẹ đạt 250 tỷ đồng, là quý thứ 4 liên tiếp HAG có lãi.

SLS - CTCP Mía đường Sơn La - Công bố báo cáo tài chính quý 3 năm tài chính 2021-2022 (năm tài chính của Mía đường Sơn La bắt đầu từ 1/7 đến 30/6 năm sau). Doanh thu thuần trong quý đạt 322 tỷ đồng, tăng 8,9% so với cùng kỳ. Trừ các chi phí khác, quý 3 Mía đường Sơn La vẫn lãi sau thuế hơn 57 tỷ đồng, tăng trưởng 23,2% so với số lãi hơn 46 tỷ đồng đạt được cùng kỳ năm trước đó.

HPG - Tập đoàn Hòa Phát - Công bố quý đầu năm doanh thu 44.400 tỷ đồng, tăng 41%; lợi nhuận sau thuế 8.200 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước. Sản xuất gang thép và các sản phẩm thép đóng góp 90% vào kết quả chung của Tập đoàn.

TLG - CTCP Tập đoàn Thiên Long - Năm 2022, Thiên Long đặt kế hoạch doanh thu tăng 21,8% so với cùng kỳ lên 3.250 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 1,2% lên 280 tỷ đồng. Được biết, Công ty đặt kế hoạch kinh doanh dựa trên giả định kịch bản học sinh đi học ổn định, thị trường hồi phục và trở lại bình thường.

GEX - Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX - Báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2022 của GELEX cho thấy nhiều diễn biến tích cực. Theo đó, doanh thu quý I là 8.682 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 901 tỷ đồng, tăng lần lượt 95 % và gần 170% so với cùng kỳ, đạt 34% kế hoạch cả năm 2022.

VGC - Tổng Công ty Viglacera - CTCP - Năm 2022, Công ty mẹ đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 1.200 tỷ đồng, doanh thu đạt 6.500 tỷ đồng lần lượt tăng 4% và 17% so với thực hiện năm 2021. Dự kiến chia cổ tức năm 2022 tỷ lệ 16%

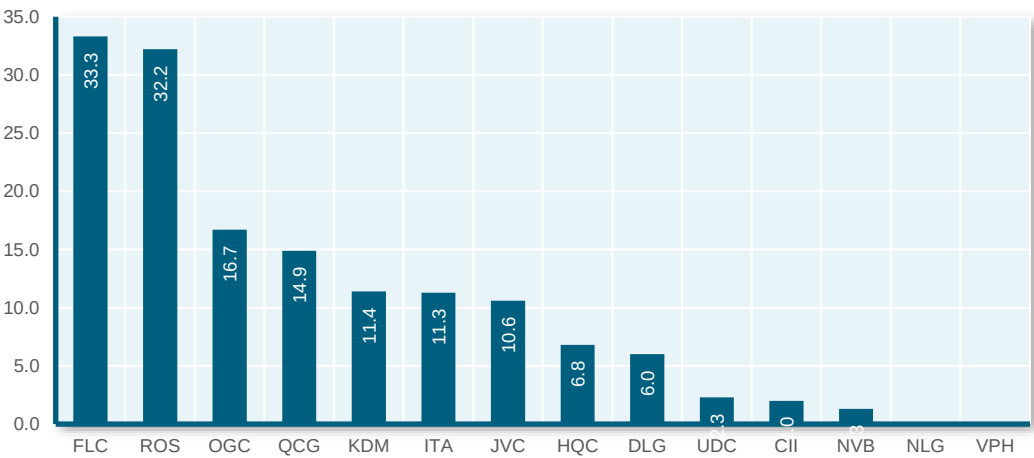


Tổng hợp kết quả kinh doanh theo ngành

Ngành	Số DN	Doanh thu Q1.2021	Doanh thu Q1.2022	% doanh thu	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi nhuận Q1.2022	% tăng trưởng LN
Ngân hàng	16	35,688	44,139	23.7%	18,705	28,000	49.7%
Dịch vụ tài chính	36	8,946	11,959	33.7%	3,412	4,463	30.8%
Phân bón	9	5,487	11,826	115.5%	265	2,375	796.6%
Hóa chất	19	10,420	15,087	44.8%	716	1,930	169.5%
Điện	34	9,713	11,843	21.9%	738	1,694	129.6%
Công nghệ Thông tin	11	8,509	10,887	28.0%	917	1,255	36.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	14	10,893	14,081	29.3%	758	981	29.5%
Sản xuất và KD Thép	17	27,260	41,315	51.6%	1,423	1,420	-0.2%
Xây dựng	52	7,628	8,234	7.9%	205	1,148	458.9%
Vật liệu xây dựng	25	5,957	7,997	34.2%	530	984	85.4%
Thủy sản	17	6,905	9,598	39.0%	287	927	223.1%
Bất động sản KCN	13	1,138	1,332	17.1%	473	672	42.0%
Bất động sản	27	4,046	3,632	-10.3%	1,212	736	-39.3%
Thực phẩm và đồ uống	47	16,692	19,025	14.0%	1,421	2,039	43.5%
Y tế	25	4,883	5,380	10.2%	436	525	20.3%
Vận tải - Logistics	39	9,407	11,178	18.8%	887	1,119	26.2%
Bảo hiểm	7	3,988	4,880	22.4%	444	604	36.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47	12,189	17,380	42.6%	484	545	12.6%
Nước	41	3,966	4,121	3.9%	571	486	-14.9%
Du lịch và Giải trí	19	1,311	1,447	10.4%	83	173	107.1%
Dệt May	12	4,437	5,796	30.6%	182	276	51.5%
Dầu khí	8	4,539	5,840	28.7%	68	154	127.0%
Ô tô và phụ tùng	7	5,064	5,593	10.4%	160	162	1.2%
Cao su	12	1,138	1,207	6.0%	172	161	-6.3%
Bán lẻ	12	12,706	15,922	25.3%	339	333	-1.7%
Truyền thông	21	573	653	13.8%	168	161	-4.2%
Tài nguyên Cơ bản	11	3,543	4,591	29.6%	115	109	-5.7%
Bao bì	13	2,410	2,875	19.3%	91	83	-9.6%
Khoáng sản	18	6,782	10,485	54.6%	103	145	40.4%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	4	1,312	2,368	80.5%	19	20	8.0%
Xây dựng và Vật liệu	41	2,879	2,724	-5.4%	51	34	-33.8%
Tổng	674	240,409	313,394	30.4%	35,436	53,713	51.6%



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	% so với đầu năm	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	31.0	-9.9%	1,503,700	7.9	1.9	-	-	3,900	16,618
BID	HOSE	36.7	-1.9%	974,900	14.0	2.1	28,100	57,300	2,623	17,073
CTG	HOSE	28.2	-19.0%	2,072,300	8.4	1.4	227,500	161,800	3,338	19,488
EIB	HOSE	30.0	-11.5%	147,300	38.2	2.1	-	2,600	785	14,466
HDB	HOSE	25.2	-19.0%	2,841,700	7.2	1.6	1,609,400	302,700	3,497	15,455
LPB	HOSE	16.2	-20.4%	3,467,400	6.4	1.2	2,000	223,500	2,543	13,960
MBB	HOSE	29.5	1.2%	6,266,100	7.5	1.8	524,400	467,000	3,904	16,538
MSB	HOSE	22.5	-21.0%	1,060,700	6.8	1.6	-	-	3,292	14,427
OCB	HOSE	23.0	-17.9%	1,668,800	6.3	1.4	3,300	32,900	3,636	15,917
SHB	HOSE	16.2	-28.0%	4,084,700	6.1	1.2	92,100	338,600	2,635	13,323
SSB	HOSE	37.3	-12.1%	2,046,700	18.5	3.0	-	22,200	2,015	12,623
STB	HOSE	27.7	-13.7%	6,523,900	14.9	1.5	1,155,200	811,800	1,856	18,174
TCB	HOSE	42.3	-16.9%	4,729,300	8.2	1.6	-	-	5,144	26,505
TPB	HOSE	33.6	-21.5%	1,822,600	7.6	2.0	7,600	470,500	4,404	16,429
VCB	HOSE	81.5	3.2%	564,100	13.8	2.7	336,700	64,800	5,907	29,974
VIB	HOSE	41.4	-13.2%	494,800	8.8	2.6	900	-	4,727	15,640
VPB	HOSE	36.5	1.4%	11,125,800	9.0	1.9	6,200	3,500	4,037	19,408
BAB	HNX	19.7	-13.6%	24,300	19.4	1.6	-	-	1,018	12,018
NVB	HNX	38.5	16.7%	30,300		3.7	1,590	-	3	10,482
VBB	UPCOM	13.9	-27.2%	39,800	12.4	1.2	3,100	-	1,119	12,017
VAB	UPCOM	12.3	-16.9%	336,600	8.3	0.9	3,500	-	1,477	14,341
SGB	UPCOM	15.7	-15.6%	14,100		1.3	1,800	-	398	12,042
PGB	UPCOM	28.9	-14.0%	13,000	32.9	2.1	-	-	878	13,940
NAB	UPCOM	17.1	-13.6%	120,500			2,600	-	3,124	15,630
KLB	UPCOM	30.0	17.6%	6,700	12.7	2.3	-	-	2,356	12,945
BVB	UPCOM	16.2	-29.6%	486,200	23.1	1.3	-	100	700	12,637
ABB	UPCOM	12.9	-21.3%	1,132,200	4.7	0.6	5,200	-	2,731	20,530
				53,598,500	12.64	1.79	4,011,190	2,959,300	2,668	16,022



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	VDT	UPCoM	11/5/2022	12/5/2022	25/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	VGL	UPCoM	9/5/2022	10/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PHS	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	6/6/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 480 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	PSC	HNX	5/5/2022	6/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	UEM	UPCoM	4/5/2022	5/5/2022	19/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	SDK	UPCoM	29/04/2022	4/5/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	NAC	UPCoM	28/04/2022	29/04/2022	16/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	PVD	HOSE	28/04/2022	29/04/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:2	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
9	SFI	HOSE	28/04/2022	29/04/2022	10/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	PEQ	UPCoM	28/04/2022	29/04/2022	20/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	PTC	HOSE	26/04/2022	27/04/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:8	Thưởng cổ phiếu
12	THI	HOSE	26/04/2022	27/04/2022	17/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	PSL	UPCoM	25/04/2022	26/04/2022	30/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	FIT	HOSE	25/04/2022	26/04/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:19.39101, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
15	FIT	HOSE	25/04/2022	26/04/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	PRC	HNX	25/04/2022	26/04/2022	18/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HAH	HOSE	25/04/2022	26/04/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:40	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	HAH	HOSE	25/04/2022	26/04/2022	16/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TB8	UPCoM	22/04/2022	25/04/2022	10/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	BCF	HNX	22/04/2022	25/04/2022	18/05/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	STK	HOSE	22/04/2022	25/04/2022	23/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	EBS	HNX	22/04/2022	25/04/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 850 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	QNS	UPCoM	21/04/2022	22/04/2022	6/5/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	TMT	HOSE	21/04/2022	22/04/2022	5/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	APL	UPCoM	21/04/2022	22/04/2022	9/5/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	TKG	UPCoM	21/04/2022	22/04/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:24	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	KHG	HOSE	21/04/2022	22/04/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	KHG	HOSE	21/04/2022	22/04/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:29	Thưởng cổ phiếu



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931